PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18/2016/TT-BCT

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2016

THÔNG TƯ
Quy định về thẻ kiểm tra thị trường và sửa đổi, bổ sung nội dung một số mẫu biên bản, quyết định sử dụng trong hoạt động kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính của lực lượng Quản lý thị trường

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Pháp lệnh Quản lý thị trường ngày 08 tháng 3 năm 2016;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về thẻ kiểm tra thị trường và sửa đổi, bổ sung nội dung một số mẫu biên bản, quyết định sử dụng trong hoạt động kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính của lực lượng Quản lý thị trường.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp lần đầu, cấp lại, thu hồi, tạm đình chỉ sử dụng thẻ kiểm tra thị trường (sau đây gọi tắt là Thẻ) và sửa đổi, bổ sung nội dung một số mẫu biên bản, quyết định sử dụng trong hoạt động kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính của lực lượng Quản lý thị trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan Quản lý thị trường các cấp, công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng Thẻ

1. Thẻ kiểm tra thị trường được công chức Quản lý thị trường sử dụng để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân trong phạm vi quy định của Điều 17 Pháp lệnh Quản lý thị trường, theo địa bàn hoặc lĩnh vực được phân công.

2. Công chức Quản lý thị trường được cấp Thẻ có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn Thẻ được cấp; không được sử dụng Thẻ nhằm mục đích vụ lợi cá nhân hoặc đe dọa, gây cản trở hoạt động kinh doanh hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Trường hợp bị mất Thẻ công chức phải trình báo với cơ quan Công an và báo cáo bằng văn bản với Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp.

3. Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân có hành vi sản xuất, tàng trữ, mua, bán, làm giả, mượn, cho mượn, cầm cố, thế chấp, sử dụng trái phép Thẻ kiểm tra thị trường.

4. Công chức Quản lý thị trường không có Thẻ hoặc trong thời gian bị thu hồi hoặc bị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ không được phân công chỉ đạo, điều hành hoạt động kiểm tra.

5. Kinh phí làm Thẻ do ngân sách nhà nước cấp theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Mẫu Thẻ

1. Thẻ kiểm tra thị trường có hình chữ nhật bằng giấy, gồm 2 mặt, có ép lớp nhựa bảo vệ bên ngoài.

a) Đối với Thẻ cấp cho công chức Quản lý thị trường quy định tại khoản 1 Điều 16 Pháp lệnh Quản lý thị trường (mẫu Thẻ và mô tả Thẻ theo Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Đối với Thẻ cấp cho công chức Quản lý thị trường quy định tại khoản 2 Điều 16 Pháp lệnh Quản lý thị trường (mẫu Thẻ và mô tả Thẻ theo Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Con dấu đóng trên Thẻ như sau:

a) Đóng con dấu của Bộ Công Thương và dấu nổi của Bộ Công Thương vào ảnh màu đối với Thẻ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Đóng con dấu thu nhỏ của Cục Quản lý thị trường và dấu nổi của Cục Quản lý thị trường vào ảnh màu đối với Thẻ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Chương II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP LẦN ĐẦU, CẤP LẠI, THU HỒI VÀ TẠM ĐÌNH CHỈ SỬ DỤNG THẺ KIỂM TRA THỊ TRƯỜNG

Điều 5. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Thẻ lần đầu

1. Các trường hợp được cấp thẻ lần đầu, tiêu chuẩn, điều kiện cấp thẻ lần đầu thực hiện theo quy định tại Điều 13 Pháp lệnh Quản lý thị trường.

2. Hồ sơ cấp Thẻ lần đầu gồm có:

a) Văn bản đề nghị cấp Thẻ lần đầu và danh sách đề nghị cấp Thẻ lần đầu theo mẫu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Phiếu công chức đề nghị cấp Thẻ lần đầu theo mẫu tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này có xác nhận của Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị

trường nơi công tác đối với công chức của Chi cục Quản lý thị trường hoặc xác nhận của Trưởng phòng Tổ chức - Xây dựng lực lượng Cục Quản lý thị trường đối với công chức của Cục Quản lý thị trường;

c) 02 ảnh màu cỡ 03cm x 04cm của công chức được đề nghị cấp Thẻ; công chức chụp ảnh mặc trang phục áo bludông dài tay, đội mũ kê-pi, đeo caravat, gắn đầy đủ cấp hiệu Quản lý thị trường. Ảnh chụp trong thời gian không quá 01 năm tính đến thời điểm lập hồ sơ; phía sau ảnh phải ghi đầy đủ họ và tên công chức, tên Chi cục Quản lý thị trường tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi công chức công tác đối với công chức thuộc Chi cục Quản lý thị trường; ghi họ và tên công chức, Cục Quản lý thị trường đối với công chức thuộc Cục Quản lý thị trường;

d) Bản sao quyết định bổ nhiệm ngạch công chức chuyên ngành Quản lý thị trường và bản sao chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Bộ Công Thương có xác nhận sao y bản chính của Thủ trưởng đơn vị đối với công chức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Pháp lệnh Quản lý thị trường;

đ) Bản sao quyết định bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo và bản sao quyết định bổ nhiệm ngạch công chức hiện tại của công chức có xác nhận sao y bản chính của Thủ trưởng đơn vị đối với công chức quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 của Pháp lệnh Quản lý thị trường.

3. Thời hạn xem xét cấp Thẻ lần đầu tối đa là 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và đầy đủ. Trường hợp không cấp hoặc phải kéo dài thời hạn cấp Thẻ thì người có thẩm quyền cấp Thẻ phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Điều 6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại Thẻ

1. Các trường hợp được cấp lại Thẻ, tiêu chuẩn, điều kiện cấp lại Thẻ cho từng trường hợp thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh Quản lý thị trường.

2. Hồ sơ cấp lại Thẻ gồm có:

a) Văn bản đề nghị cấp lại Thẻ, danh sách đề nghị cấp lại Thẻ theo mẫu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này và Phiếu công chức đề nghị cấp lại Thẻ theo mẫu tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này có xác nhận của Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường nơi công tác đối với công chức của Chi cục Quản lý thị trường hoặc xác nhận của Trưởng phòng Tổ chức - Xây dựng lực lượng thuộc Cục Quản lý thị trường đối với công chức của Cục Quản lý thị trường;

b) 02 ảnh màu theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

c) Thẻ bị hư hỏng không sử dụng được đối với trường hợp đề nghị cấp lại do Thẻ bị hư hỏng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh Quản lý thị trường; xác nhận trình báo của cơ quan Công an đối với trường hợp Thẻ bị mất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh Quản lý thị trường;

d) Bản sao chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Bộ Công Thương có xác nhận sao y bản chính của Thủ trưởng đơn vị đối với trường hợp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh Quản lý thị trường;

đ) Bản sao Thẻ cũ tại thời điểm đề nghị cấp lại đối với trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi nội dung ghi trên Thẻ hoặc do hết hạn sử dụng quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh Quản lý thị trường.

3. Hồ sơ cấp lại Thẻ phải được gửi về Cục Quản lý thị trường trước khi hết hạn sử dụng của Thẻ ít nhất là 45 ngày.

4. Thời hạn xem xét cấp lại Thẻ tối đa là 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và đầy đủ. Trường hợp không cấp lại hoặc phải kéo dài thời hạn cấp lại Thẻ thì người có thẩm quyền cấp Thẻ phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

5. Công chức Quản lý thị trường nộp lại Thẻ cũ đang sử dụng khi được cấp lại Thẻ mới. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường tổng hợp, báo cáo và gửi kèm Thẻ cũ về Cục Quản lý thị trường để tiêu hủy theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Pháp lệnh Quản lý thị trường.

Điều 7. Trình tự, thủ tục thu hồi Thẻ

1. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày phát sinh các trường hợp công chức bị thu hồi Thẻ quy định tại khoản 1 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường, Đội trưởng Đội Quản lý thị trường, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường, Trưởng đoàn kiểm tra nội bộ lập danh sách người bị thu hồi Thẻ theo mẫu tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này báo cáo, kiến nghị Cục trưởng Cục Quản lý thị trường thu hồi Thẻ.

2. Trong thời hạn tối đa là 05 ngày, Cục trưởng Cục Quản lý thị trường quyết định thu hồi Thẻ hoặc ủy quyền thu hồi Thẻ cho Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường.

3. Hồ sơ thu hồi Thẻ gồm có:

a) Các tài liệu, giấy tờ có liên quan đến các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường;

b) Danh sách người bị thu hồi Thẻ theo mẫu tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này, kèm theo Thẻ bị thu hồi.

4. Trường hợp được Cục trưởng Cục Quản lý thị trường ủy quyền thì Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thực hiện thu hồi Thẻ và hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này kèm Thẻ bị thu hồi gửi về Cục Quản lý thị trường.

5. Trường hợp công chức đã bị thu hồi Thẻ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường khi đề nghị cấp Thẻ thì thực hiện theo thủ tục cấp Thẻ lần đầu.

6. Cục Quản lý thị trường báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định thu hồi Thẻ trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 Pháp lệnh Quản lý thị trường.

7. Thẻ bị thu hồi được đục lỗ hoặc cắt góc để không còn giá trị sử dụng.

Điều 8. Trình tự, thủ tục tạm đình chỉ sử dụng Thẻ

1. Trong thời hạn 05 kể từ ngày phát sinh các trường hợp công chức bị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ quy định tại khoản 2 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường,

Đội trưởng Đội Quản lý thị trường, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường, Trưởng đoàn kiểm tra nội bộ lập danh sách người bị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ theo mẫu tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này báo cáo, kiến nghị Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tạm đình chỉ sử dụng Thẻ.

2. Trong thời hạn tối đa là 05 ngày, Cục trưởng Cục Quản lý thị trường quyết định tạm đình chỉ sử dụng Thẻ hoặc ủy quyền tạm đình chỉ sử dụng Thẻ cho Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường.

3. Hồ sơ tạm đình chỉ sử dụng Thẻ gồm có:

a) Các tài liệu giấy tờ có liên quan đến các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường;

b) Danh sách người bị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ theo mẫu tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này, kèm theo Thẻ bị tạm đình chỉ sử dụng.

4. Trường hợp được Cục trưởng Cục Quản lý thị trường ủy quyền thì Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thực hiện tạm đình chỉ sử dụng Thẻ và hoàn thiện, lưu giữ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này và báo cáo về Cục Quản lý thị trường.

5. Cục Quản lý thị trường báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định tạm đình chỉ sử dụng Thẻ trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 Pháp lệnh Quản lý thị trường.

6. Thời hạn tạm đình chỉ sử dụng Thẻ:

a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường, thời hạn tạm đình chỉ sử dụng Thẻ là thời gian từ khi phát hiện có vi phạm đến khi cơ quan có thẩm quyền quyết định xử lý vụ việc nhưng không quá 02 tháng. Trường hợp có nhiều tình tiết phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không quá 04 tháng kể từ ngày phát hiện vi phạm;

b) Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường, thời hạn tạm đình chỉ sử dụng Thẻ bằng thời gian công chức bị tạm đình chỉ công tác để xem xét xử lý kỷ luật;

c) Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường, thời hạn tạm đình chỉ sử dụng Thẻ là 12 tháng kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực thi hành;

d) Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường, thời hạn tạm đình chỉ sử dụng Thẻ bằng thời gian chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật. Khi bị kết án bằng bản án hình sự có hiệu lực pháp luật, Thẻ bị thu hồi theo quy định về thu hồi Thẻ tại Điều 7 Thông tư này.

7. Khi hết thời hạn tạm đình chỉ sử dụng Thẻ ghi trong quyết định của người có thẩm quyền, công chức được trả lại Thẻ nếu còn thời hạn sử dụng sau khi có Quyết định trả lại Thẻ. Trường hợp Thẻ bị tạm đình chỉ sử dụng đã hết hạn sử dụng thì thực hiện theo thủ tục cấp Thẻ lần đầu.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan Quản lý thị trường các cấp

1. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường có trách nhiệm:

a) Xem xét, tổng hợp danh sách, gửi văn bản đề nghị với Chi cục Quản lý thị trường việc cấp lần đầu, cấp lại, thu hồi, tạm đình chỉ sử dụng Thẻ đối với công chức thuộc đơn vị mình;

b) Theo dõi, kiểm tra việc sử dụng Thẻ đối với công chức thuộc đơn vị mình theo quy định.

2. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường có trách nhiệm:

a) Xem xét, tổng hợp danh sách, gửi văn bản đề nghị Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp lần đầu, cấp lại Thẻ trong phạm vi được giao quản lý; bảo đảm tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ cấp lần đầu, cấp lại Thẻ; kịp thời rà soát, đề nghị cấp Thẻ đối với công chức đáp ứng đủ điều kiện cấp Thẻ;

b) Thực hiện đúng trình tự, thủ tục về thu hồi, tạm đình chỉ sử dụng Thẻ, trả lại Thẻ bị tạm đình chỉ sử dụng khi được ủy quyền; mở sổ theo dõi việc quản lý, cấp phát, cấp lần đầu, cấp lại, thu hồi, tạm đình chỉ sử dụng, trả lại Thẻ bị tạm đình chỉ sử dụng trong phạm vi đơn vị mình quản lý;

c) Theo dõi, kiểm tra việc sử dụng Thẻ của công chức thuộc đơn vị mình quản lý; khi phát hiện công chức Quản lý thị trường có hành vi vi phạm trong hoạt động công vụ hoặc sử dụng Thẻ sai mục đích, thực hiện tạm đình chỉ sử dụng Thẻ theo ủy quyền của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xem xét, quyết định;

d) Chủ động trong việc luân chuyển, điều động công chức có Thẻ giữa các đơn vị cấp dưới để đảm bảo phục vụ công tác kiểm tra kiểm soát thị trường, không để xảy ra tình trạng mất cân đối giữa các đơn vị về số lượng công chức được cấp Thẻ;

đ) Thực hiện báo cáo Cục Quản lý thị trường về quản lý, sử dụng Thẻ trong đơn vị mình quản lý theo quy định.

3. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường có trách nhiệm:

a) Giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thống nhất quản lý Thẻ theo quy định tại Thông tư này;

b) Theo dõi, giám sát, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Thông tư này và báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương theo quy định;

c) Kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung Thông tư này với Bộ trưởng Bộ Công Thương khi cần thiết.

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

1. Thẻ đã cấp cho công chức giữ ngạch Kiểm soát viên thị trường trở lên trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục sử dụng theo thời hạn ghi trên Thẻ và được sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

2. Thẻ đã cấp cho công chức giữ ngạch Kiểm soát viên trung cấp thị trường được tiếp tục sử dụng cho đến thời điểm Nghị định quy định chi tiết thi hành một số Điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường có hiệu lực thi hành.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung nội dung một số mẫu biên bản, quyết định sử dụng trong hoạt động kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính của lực lượng Quản lý thị trường

Từ ngày 01 tháng 9 năm 2016, sửa đổi, bổ sung nội dung ghi trên một số mẫu biên bản, quyết định sử dụng trong hoạt động kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính của Quản lý thị trường ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về mẫu biên bản, quyết định sử dụng trong hoạt động kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính của Quản lý thị trường được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 13/2015/TT-BCT ngày 16 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương như sau:

1. Ghi bổ sung "Căn cứ Pháp lệnh Quản lý thị trường năm 2016" vào phần căn cứ của các mẫu ấn chỉ MQĐ01và MQĐ02.

2. Thay thế cụm từ "Tổ kiểm tra" bằng cụm từ "Đoàn kiểm tra"; thay thế cụm từ "Tổ trưởng Tổ kiểm tra" bằng cụm từ "Trưởng Đoàn kiểm tra" vào nội dung các mẫu ấn chỉ MQĐ01, MQĐ02, MQĐ03, MQĐ04, MQĐ05, MQĐ06, MQĐ07, MBB01, MBB02, MBB03, MBB04, MBB05, MBB07/M, MBB09.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2016.

2. Bãi bỏ các Điều 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 30 và khoản 4 Điều 31 của Thông tư số 07/2014/TT-BCT ngày 14 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng trang phục, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, biển hiệu và Thẻ kiểm tra thị trường của Quản lý thị trường.

Bãi bỏ các quy định về Thẻ kiểm tra thị trường quy định tại Điều 28, các khoản 1 và 2 Điều 31 Thông tư số 07/2014/TT-BCT ngày 14 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng trang phục, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, biển hiệu và Thẻ kiểm tra thị trường của Quản lý thị trường.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

Phụ lục số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BCT ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH/TP…
CHI CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG...

DANH SÁCH
ĐỀ NGHI CẤP THẺ KIỂM TRA THỊ TRƯỜNG LẦN ĐẦU/CẤP LẠI THẺ KIỂM TRA THỊ TRƯỜNG
(Kèm theo Công văn số:... ngày..... tháng..... năm... của Chi cục Quản lý thị trường tỉnh/thành phố...)

STT	Họ và tên	Giới tính	Số hiệu công chức QLTT	Năm sinh	Tên ngạch công chức hiện giữ và mã số ngạch	Chức danh/ Tên ngạch công chức hiện tại	Tháng năm tuyển dụng		Thời hạn sử dụng của Thẻ cũ	Trình độ chuyên môn			Đã có chứng chỉ Bồi dưỡng NV	Ghi chú (Lý do đề nghị cấp/ cấp lại...)
							Vào QLTT (tháng năm)	Hình thức lao động		Văn hóa	Chuyên môn nghiệp vụ	Quản lý nhà nước		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	**Đề nghị cấp Thẻ Kiểm tra thị trường lần đầu**													
1	Nguyễn Văn A	Nam	T22.012	1968	CVC - 01.002	Chi cục trưởng	10.2012	BChế			ĐH Luật	CV	Chưa có	Kèm QĐ bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo
2	Phạm Thị B	Nữ	T22.015	1970	KSVTT - 21.189	Đội trưởng	11.2012	BChế			ĐH Luật	CV	TCV	Kèm QĐ bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo
II	**Đề nghị cấp lại Thẻ kiểm tra thị trường**													
1	Nguyễn Văn D	Nam	T22.029	1970	KSVTT - 21.189	Kiểm soát viên TT	10.1991	BChế	*31/10/2020*		ĐH Luật	CV	TCV	Thẻ hết hạn/Nâng ngạch…
2	Lê Đức V	Nam	T22.033	1960	KSVTT - 21.189	Phó Đội trưởng	10.1991	BChế	*31/12/2020*		ĐH Luật	CV	BDNV	Thẻ bị hỏng/ Mất

CHI CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:
Cột số 2 và 4: Lập danh sách theo thứ tự tăng dần của số hiệu công chức (không lập theo Đơn vị Phòng/Đội hoặc chức vụ).
Cột số 6: Ghi đầy đủ tên ngạch công chức, mã số ngạch công chức theo QĐ bổ nhiệm ngạch công chức hiện tại.
Cột số 7: Ghi chức danh lãnh đạo hiện tại đối với người đã được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo. Ghi ngạch công chức theo Quyết định bổ nhiệm ngạch hiện tại với người chưa được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo.
Cột 8: Ghi cụ thể tháng/năm được tuyển dụng theo Quyết định tuyển dụng.
Cột 10: Ghi đầy đủ ngày/tháng/năm là thời điểm hết hạn của Thẻ KTTT công chức đang được cấp, sử dụng (được ghi trên Thẻ KTTT).
Cột 14: Người có chứng chỉ Tiền công vụ QLTT thì ghi "TCV"; người có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ QLTT trước năm 2005 thì ghi "BDNV"; Người có Chứng chỉ BDNV Kiểm soát viên chính thị trường thì ghi KSVC; người có Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ QLNN ngạch KSV thị trường ghi QLNN KSVTT; người có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ QLNN ngạch KSV chính thị trường ghi QLNN KSVCTT...
Cột 15: Ghi cụ thể lý do đề nghị cấp lại Thẻ; các ghi chú khác.

Phụ lục số 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BCT ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

SỞ CÔNG THƯƠNG
CHI CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH/TP.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU CÔNG CHỨC
ĐỀ NGHỊ CẤP LẦN ĐẦU/CẤP LẠI
THẺ KIỂM TRA THỊ TRƯỜNG

Ảnh màu cỡ 3 x 4 đóng dấu giáp lai

- Họ và tên (chữ in hoa): NGUYỄN VĂN A

- Ngày/tháng/năm sinh:

- Dân tộc: **- Nam, nữ:**

- Đơn vị công tác:... (*Đội QLTT số.../Phòng..., Chi cục QLTT tỉnh...)*

- Số hiệu công chức QLTT:

- Ngày được tuyển dụng vào cơ quan QLTT: *từ ngày/tháng/năm theo Quyết định số... ngày... tháng... năm... của.....*

- Chức vụ lãnh đạo hiện nay:……. *theo Quyết định số……. của…… (Ghi đầy đủ các thông tin. Nếu chưa được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo thì để trống).*

- Ngạch công chức hiện giữ: *KSVTT/KSV chính TT/.....*
Mã số ngạch công chức:..... *theo Quyết định số..... ngày/tháng/năm…… của… (ghi đầy đủ tên ngạch, mã số ngạch và nội dung khác theo quyết định về ngạch công chức hiện tại).*

- Trình độ chuyên môn:

* Bằng 1:..... (ghi cụ thể) * Bằng 2:..... (ghi cụ thể)

- Chứng chỉ Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ QLTT:……..
(BDNV, TCV, KSV chính, QLNN ngạch KSVTT, QLNN ngạch KSV chính thị trường - Ghi đầy đủ tên loại Chứng chỉ, ngày tháng năm được cấp).

I. TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ, KẾT QUẢ CÔNG TÁC

Tóm tắt công việc được giao; kết quả công tác kiểm tra, xử lý vi phạm; chấp hành chính sách pháp luật, quy chế công tác; tinh thần phối hợp, lối sống đạo đức; tinh thần, thái độ đối với các tổ chức và cá nhân kinh doanh; tinh thần học tập nâng cao trình độ; ý thức tổ chức kỷ luật.

....., ngày.... tháng... năm....
Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ và tên)

II. XÁC NHẬN CỦA CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG/ TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC - XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Công chức *Nguyễn Văn A*... không trong thời gian bị thi hành kỷ luật; hiện giữ ngạch công chức….., mã số ngạch công chức…. và đã có Chứng chỉ…... *(BDNV, TCV, KSV chính, QLNN ngạch KSVTT... - Ghi đầy đủ tên loại Chứng chỉ)* theo quy định của Bộ Công Thương.

Đối chiếu với quy định của Thông tư số /2016/TT-BCT ngày tháng năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thẻ kiểm tra thị trường và sửa đổi, bổ sung nội dung một số mẫu biên bản, quyết định sử dụng trong hoạt động kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính của lực lượng Quản lý thị trường, công chức *Nguyễn Văn A*... có đủ tiêu chuẩn để được cấp lần đầu/cấp lại Thẻ kiểm tra thị trường.

Đề nghị Cục trưởng Cục Quản lý thị trường xét cấp Thẻ kiểm kiểm tra thị trường./.

....., ngày.... tháng... năm....
Chi cục trưởng/TP.TCXDLL
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu
đối với xác nhận của Chi cục trưởng)

Phụ lục số 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016 /TT-BCT ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

SỞ CÔNG THƯƠNG
CHI CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
TỈNH/TP.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

, ngày tháng năm

DANH SÁCH
THU HỒI/KIẾN NGHỊ THU HỒI THẺ KIỂM TRA THỊ TRƯỜNG (HOẶC) TẠM ĐÌNH CHỈ SỬ DỤNG/ KIẾN NGHỊ TẠM ĐÌNH CHỈ SỬ DỤNG THẺ KIỂM TRA THỊ TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Công văn số / ngày tháng năm của…)

STT	Họ và tên	Số Thẻ	Được cấp lại Thẻ tại Quyết định số: …/QĐ-QLTT	Chưa/ không được cấp lại Thẻ	Lý do		Ghi chú
					Hết hạn SD	Khác (ghi cụ thể lý do)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
I	**KIẾN NGHỊ THU HỒI THẺ**						
1	Nguyễn Văn A	T02-222					
II	**KIẾN NGHỊ TẠM ĐÌNH CHỈ SỬ DỤNG THẺ**						
1	Nguyễn Văn B	T05-201					
II	**NGƯỜI BỊ THU HỒI THẺ NỘP LẠI CỤC QLTT**						
1	Nguyễn Văn D	T05-201	QĐ **12/QĐ-QLTT** ngày 12.10.2018		Hết hạn		Thu hồi theo QĐ số ngày/tháng/năm của
2	Nguyễn Văn C	T05-012				Chuyển công tác.	-Nt-
II	**NGƯỜI BỊ TẠM ĐÌNH CHỈ SỬ DỤNG THẺ**						
1	Nguyễn Văn G	T51-021					Thu hồi theo QĐ số ngày/tháng/năm của
2	Nguyễn Văn H	T51-022				Bị kỷ luật cảnh cáo (số Quyết định, ngày tháng năm của…)	

Tổng số Thẻ gửi lại Cục QLTT là:….. Thẻ.

CHI CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: - Lập Danh sách theo thứ tự Quyết định cấp lại Thẻ.
Lập hết danh sách theo Quyết định số A rồi lập tiếp tới Quyết định số B.

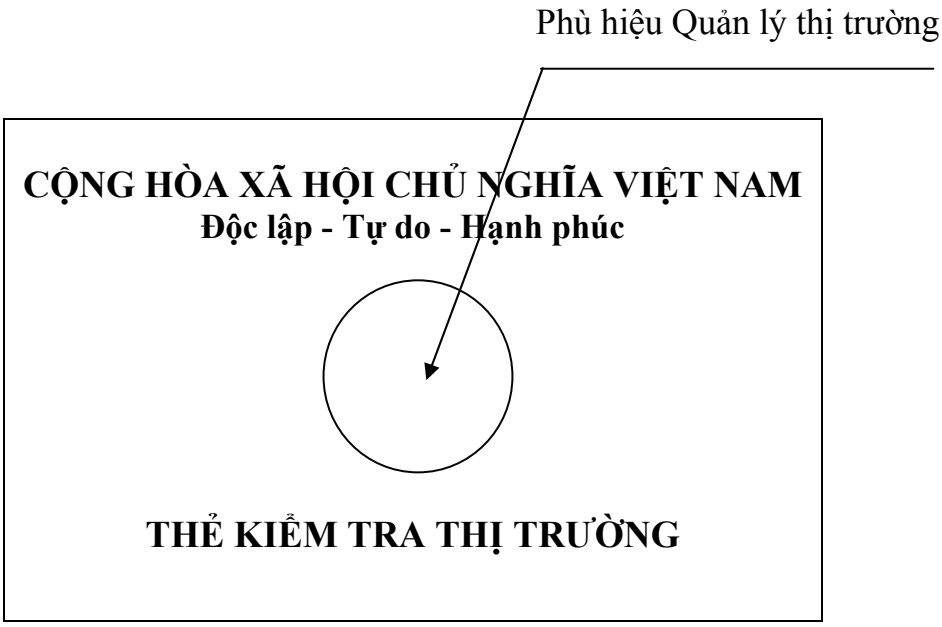
Phụ lục số 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BCT ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

MẪU THẺ KIỂM TRA THỊ TRƯỜNG

1. Mặt trước (hình 1):

Mặt trước nền màu đỏ, chữ màu vàng, có đường viền màu vàng bao quanh; trên cùng là Quốc hiệu "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc"; ở giữa là phù hiệu Quản lý thị trường; phía dưới là dòng chữ "THẺ KIỂM TRA THỊ TRƯỜNG".



Hình 1

2. Mặt sau (hình 2):

Mặt sau nền màu trắng, có đường viền màu đỏ bao quanh; chính giữa in phù hiệu Quản lý thị trường, bao quanh là các tia hoa văn với hàng chữ "QLTT" màu vàng nhạt; từ góc dưới bên trái đến góc trên bên phải là một vạch chéo màu đỏ đậm; mặt sau có các thông tin như sau:

a) Phía trái, lần lượt từ trên xuống dưới ghi chữ màu đen bao gồm: số Thẻ là số hiệu công chức Quản lý thị trường; ảnh màu của người được cấp Thẻ cỡ 03cm x 04cm được đóng dấu nổi; thời hạn sử dụng Thẻ;

b) Phía phải, lần lượt từ trên xuống dưới ghi hàng chữ màu đen bao gồm:

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Cấp cho ông, bà:

Chức danh: (ghi chức danh lãnh đạo của công chức được cấp Thẻ).

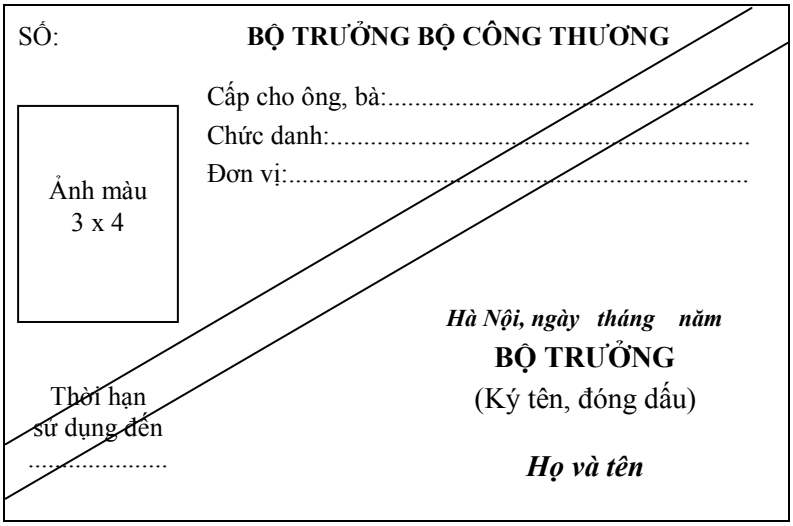
Đơn vị:

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Chức danh của người ký

Chữ ký và dấu

Họ và tên người ký.



Hình 2

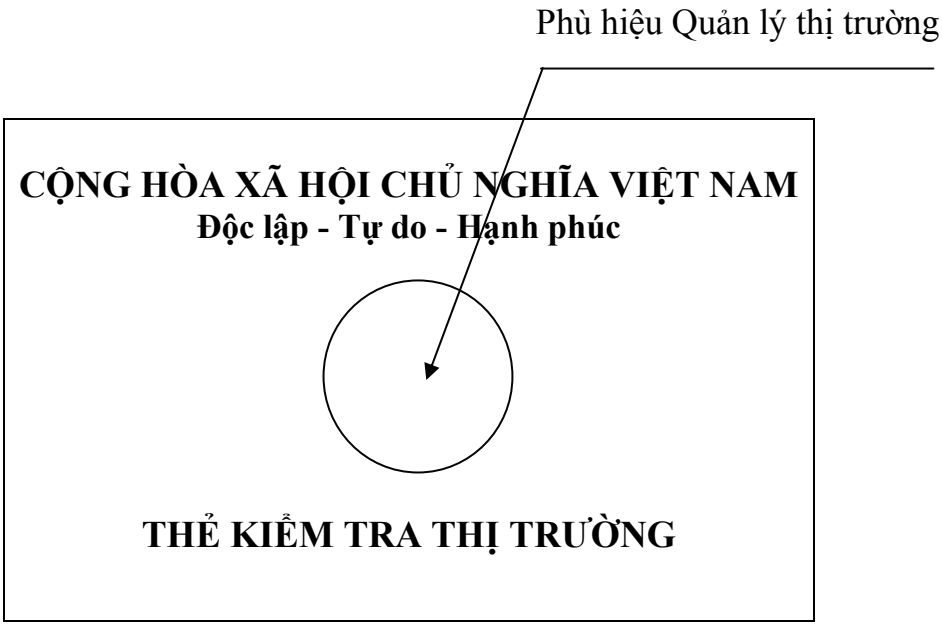
Phụ lục số 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BCT ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

MẪU THẺ KIỂM TRA THỊ TRƯỜNG

1. Mặt trước (hình 1):

Mặt trước nền màu đỏ, chữ màu vàng, có đường viền màu vàng bao quanh; trên cùng là Quốc hiệu "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc"; ở giữa là phù hiệu Quản lý thị trường; phía dưới là dòng chữ "THẺ KIỂM TRA THỊ TRƯỜNG".



Hình 1

2. Mặt sau (hình 2):

Mặt sau nền màu trắng, có đường viền màu đỏ bao quanh; chính giữa in phù hiệu Quản lý thị trường, bao quanh là các tia hoa văn với hàng chữ "QLTT" màu vàng nhạt; từ góc dưới bên trái đến góc trên bên phải là một vạch chéo màu đỏ đậm; mặt sau có các thông tin như sau:

a) Phía trái, lần lượt từ trên xuống dưới ghi chữ màu đen bao gồm: số Thẻ là số hiệu công chức Quản lý thị trường; ảnh màu của người được cấp Thẻ cỡ 03cm x 04cm được đóng dấu nổi; thời hạn sử dụng Thẻ;

b) Phía phải, lần lượt từ trên xuống dưới ghi hàng chữ màu đen bao gồm:

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Cấp cho ông, bà:

Chức danh: (ghi chức danh lãnh đạo đối với công chức đã được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo; ghi ngạch công chức hiện tại đối với công chức chưa được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo).

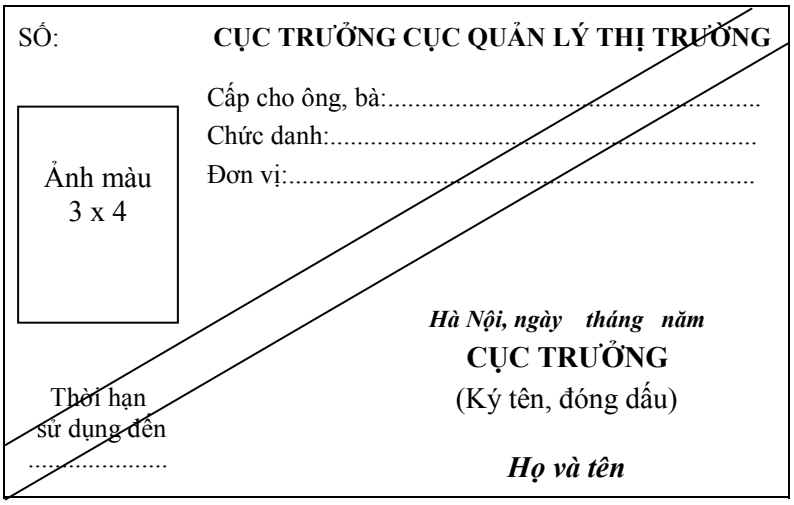
Đơn vị:

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Chức danh của người ký

Chữ ký và dấu

Họ và tên người ký.



Hình 2